

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2058/UBND-KSTTHC

Hải Phòng, ngày 16 tháng 9 năm 2024

V/v triển khai thực hiện Thông tư số
62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024
của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thành phố;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (Nghị định số 73/2024/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng (Nghị định số 75/2024/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/08/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (Thông tư số 62/2024/TT-BTC);

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3792/STC-QLNS ngày 28/8/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai thực hiện Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20/08/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính theo các nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh của Thông tư số 62/2024/TT-BTC

a) Điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với các đối tượng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

b) Điều chỉnh quỹ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo mức khoán quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.

c) Điều chỉnh trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20/6/1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13/10/1981 của Hội đồng Bộ trưởng theo quy định tại Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng.

1.2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị khối thành phố.
- b) Ủy ban nhân dân các quận, huyện.
- c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Xác định nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP

2.1. Việc xác định đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc được áp dụng mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền, trong đó chú ý:

a) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước để xác định nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP trong năm 2024 là số thực có mặt tại thời điểm ngày 01/7/2024 trong phạm vi số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt).

b) Không tổng hợp số đối tượng vượt chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2024, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xử lý số biên chế dôi dư theo quy định của pháp luật.

c) Không tổng hợp số đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP; các cơ quan, đơn vị bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn thu hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng này theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

2.2. Nhu cầu kinh phí được xác định bao gồm các chế độ, chính sách sau:

a) Nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP cho các đối tượng nêu tại khoản 2.1 mục 2 công văn này bao gồm các khoản tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) và quỹ tiền thưởng theo quy định. Cách thức xác định tiền lương, phụ cấp, quỹ tiền thưởng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền.

b) Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư; chế độ bồi dưỡng hàng tháng phục vụ hoạt động cấp ủy thuộc cấp tỉnh theo Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng.

c) Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

d) Hỗ trợ quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố theo mức khoán từ ngân sách nhà nước.

e) Ngoài các nội dung quy định nêu trên, nhu cầu kinh phí bao gồm cả phần ngân sách nhà nước cấp để thực hiện:

- Chính sách tinh giản biên chế, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu cho các đối tượng do địa phương quản lý theo quy định của Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Kinh phí điều chỉnh trợ cấp tăng thêm cho cán bộ xã nghỉ việc được xác định căn cứ vào số đối tượng thực có mặt tại thời điểm ngày 01/7/2024, mức trợ cấp tăng thêm quy định tại Nghị định số 75/2024/NĐ-CP và hướng dẫn của Sở Nội vụ về việc điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng.

- Kinh phí tăng thêm (từ mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng /tháng lên mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng) thực hiện chi trả tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp đối với số biên chế giáo viên tăng thêm theo Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương về việc giao biên chế năm 2024.

2.3. Nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp, trợ cấp tính trên lương, ngạch, bậc hoặc mức lương cơ sở được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương sau thời điểm ngày 01/7/2024 (nếu có) được tổng hợp vào nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 và xử lý nguồn thực hiện theo các quy định của Thông tư 62/2024/TT-BTC.

3. Xác định nguồn kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP.

3.1. Việc xác định nguồn kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP: thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, điều 3 Thông tư 62/2024/TT-BTC ngày 20/8/2024 Bộ Tài chính.

3.2. Ngân sách thành phố hỗ trợ nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng cho các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị khối thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan sau khi đã cân đối các nguồn kinh phí mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hiện theo quy định.

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thành phố; Ủy ban nhân dân các quận, huyện; các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan:

- Tổng hợp nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện Nghị định 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP theo đúng quy định, gửi về Sở Tài chính chậm nhất ngày **20/9/2024** để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

(Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thành phố gửi báo cáo nhu cầu và nguồn theo Biểu mẫu số 1a, 1b, 1c, 1d, 1e, 3, 4a.1, 4b.1; Ủy ban nhân dân các

quận, huyện gửi báo cáo nhu cầu và nguồn theo Biểu mẫu số 2a, 2b, 2c, 2d.1, 2d.2, 2đ, 2e, 4a.2, 4b.2)

- Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các Sở, ngành, cơ quan chủ quản tổng hợp nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương của các cơ quan, đơn vị và các cấp ngân sách trực thuộc; đảm bảo quy định về thời gian, biểu mẫu báo cáo, gửi về Sở Tài chính.

- Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tính chính xác, thống nhất về nội dung và số liệu của báo cáo. Trong quá trình triển khai thực hiện, các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Sở Tài chính để hướng dẫn, xử lý, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh theo thẩm quyền.

- Bố trí nguồn kinh phí đầy đủ, kịp thời để chi trả cho các đối tượng theo đúng chế độ quy định và hướng dẫn tại Thông tư 62/2024/TT-BTC.

4.2. Giao Sở Tài chính căn cứ số liệu do các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các quận, huyện gửi, tổng hợp nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện Nghị định 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP của Chính phủ, báo cáo và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt và phân bổ kinh phí thực hiện cho các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị khối thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện; tổng hợp, dự thảo văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các Sở, ngành, các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các quận, huyện nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ được giao đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề vướng mắc, vượt thẩm quyền (nếu có) để kịp thời chỉ đạo giải quyết./

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TTHĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: KSTTHC, TCNS, NC&KTGS;
- Lưu: VT, KSTTHC2.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng



BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 62/2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2024

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG

THÔNG TƯ

Số: 5217
Ngày: 20/08/2024
Chuyển: ...
Số và ký hiệu HS: ...

ĐƠN VỊ	CHỦ	THAM
CT N.V.Tùng		X
PCT TT L.A.Quân	X	
PCT L.K.Nam		
PCT N.D.Thọ		
PCT H.M.Cường		
CVP T.H.Kiên		
PCVP T.V.Thiện	X	
PCVP P.A.Tuấn		
PCVP P.H.Hoàng		
P. XDGTCT		
P. VX		
P. NNTNMT		
P. TCNS		
P. NC&KTGS		
P. TH		
P. KSTTHC		
VP BCSD		
BAN TCD		
P. HCTC		
P. QTTV		
CTTĐT		
TTHN & NKTP		

Hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

I. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định về việc xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện:

a) Điều chỉnh mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với các đối tượng làm việc trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số

73/2024/ND-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2024/ND-CP).

b) Điều chỉnh quỹ phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo mức khoán quy định tại Nghị định số 33/2023/ND-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

c) Điều chỉnh trợ cấp cho cán bộ xã đã nghỉ việc theo Quyết định số 130/CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng theo quy định tại Nghị định số 75/2024/ND-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 75/2024/ND-CP).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Xác định nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/ND-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 75/2024/ND-CP

1. Việc xác định đối tượng cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người làm việc được áp dụng mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/ND-CP thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền; trong đó chú ý:

a) Tổng số cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước để xác định nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo quy định tại Nghị định số 73/2024/ND-CP trong năm 2024 là số thực có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024 trong phạm vi số biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt).

b) Không tổng hợp số đối tượng vượt chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao (hoặc phê duyệt) năm 2024; các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm xử lý số biên chế dôi dư theo quy định của pháp luật.

c) Không tổng hợp số đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Nghị định số 73/2024/ND-CP; các cơ

quan, đơn vị bố trí từ dự toán ngân sách nhà nước được giao và các nguồn thu hợp pháp khác để chi trả cho các đối tượng này theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nhu cầu kinh phí của các Bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được xác định bao gồm các chế độ, chính sách sau:

a) Nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP cho các đối tượng nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm các khoản tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) và quỹ tiền thưởng theo quy định. Cách thức xác định tiền lương, phụ cấp, quỹ tiền thưởng thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền.

b) Đóng bảo hiểm y tế cho thân nhân sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong Bộ Quốc phòng; thân nhân công nhân và viên chức quốc phòng (thuộc đơn vị dự toán do ngân sách nhà nước bảo đảm); thân nhân sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn, kỹ thuật, học viên Công an nhân dân, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong công an nhân dân, công nhân công an và thân nhân người làm công tác cơ yếu.

c) Chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ban Bí thư; chế độ bồi dưỡng hàng tháng phục vụ hoạt động cấp uỷ thuộc cấp tỉnh theo Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Văn phòng Trung ương Đảng.

d) Hoạt động phí của Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

đ) Hỗ trợ quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, thôn, tổ dân phố theo mức khoán từ ngân sách nhà nước.

e) Ngoài các nội dung quy định nêu trên, nhu cầu kinh phí của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bao gồm cả phần ngân sách nhà nước cấp để thực hiện:

- Chính sách tinh giản biên chế, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu cho các đối tượng do địa phương quản lý theo quy định của Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế, Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội và các văn bản

hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Kinh phí điều chỉnh trợ cấp tăng thêm cho cán bộ xã nghi việc được xác định căn cứ vào số đối tượng thực có mặt tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024, mức trợ cấp tăng thêm quy định tại Nghị định số 75/2024/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Nội vụ về việc điều chỉnh mức trợ cấp hằng tháng.

- Kinh phí tăng thêm (từ mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng/tháng lên mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng) thực hiện chi trả tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp đối với số biên chế giáo viên tăng thêm theo Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương về việc giao biên chế năm 2024.

3. Nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ phụ cấp, trợ cấp tính trên lương, ngạch, bậc hoặc mức lương cơ sở được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành và hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương sau thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2024 (nếu có) được tổng hợp vào nhu cầu kinh phí thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 và xử lý nguồn thực hiện theo các quy định của Thông tư này.

4. Các cơ quan, đơn vị hành chính của trung ương đang trình bãi bỏ cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 và Nghị quyết số 142/2024/QH15, thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Điều 3. Xác định nguồn kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và điều chỉnh trợ cấp cán bộ xã đã nghi việc theo Nghị định số 75/2024/NĐ-CP

1. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của các bộ, cơ quan Trung ương:

a) Nguồn thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024 (nếu có).

b) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

c) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 được cấp có thẩm quyền giao.

2. Nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao.

b) Sử dụng nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao.

c) Sử dụng nguồn 70% tăng thu ngân sách địa phương thực hiện năm 2023 và 50% tăng thu ngân sách địa phương dự toán năm 2024 so dự toán năm 2023 được Thủ tướng Chính phủ giao (loại trừ một số khoản theo quy định tại khoản 2 điều 3 Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội, các Quyết định số 1600/QĐ-TTg và số 1602/QĐ-TTg ngày 10/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024).

d) Sử dụng 50% phần ngân sách nhà nước giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập).

đ) Sử dụng tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2024 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Riêng đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của cơ sở y tế công lập sử dụng tối thiểu 35% sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí. Phạm vi trích số thu được để lại thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

e) Sử dụng nguồn kinh phí thực hiện cải cách tiền lương đến hết năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang (nếu có).

3. Phạm vi trích số thu được để lại theo chế độ quy định tại khoản 1 và 2 Điều này thực hiện như sau:

a) Đối với các cơ quan hành chính nhà nước: Sử dụng tối thiểu 40% số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí) được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

b) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường

xuyên:

Đối với số thu phí (thuộc danh mục phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí): Sử dụng tối thiểu 40% số thu phí được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng) theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí (không được trừ chi phí trực tiếp phục vụ cho công tác thu trong trường hợp đã được ngân sách nhà nước bảo đảm chi phí cho hoạt động thu).

Đối với số thu từ việc cung cấp các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, y tế dự phòng và dịch vụ y tế khác của các cơ sở y tế công lập: Sử dụng tối thiểu 35% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các khoản chi phí đã được kết cấu trong giá dịch vụ theo quy định của pháp luật về giá dịch vụ (như: chi phí thuốc, máu, dịch truyền, hóa chất, vật tư thay thế, vật tư tiêu hao trực tiếp phục vụ cho người bệnh; chi phí điện, nước, nhiên liệu, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường; chi phí duy tu, bảo dưỡng thiết bị, mua thay thế công cụ, dụng cụ,... và chi phí tiền lương, phụ cấp đã kết cấu trong giá).

Đối với số thu dịch vụ (bao gồm cả thu học phí), các hoạt động liên doanh liên kết và các khoản thu khác: Sử dụng tối thiểu 40% số chênh lệch thu lớn hơn chi (sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định).

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

5. Ngân sách Trung ương hỗ trợ nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương sau khi đã cân đối các nguồn kinh phí mà chưa đáp ứng đủ nhu cầu thực hiện theo quy định, trừ các đơn vị quy định tại khoản 4 Điều này.

Điều 4. Tiền lương, thu nhập tăng thêm và chế độ tiền thưởng đối với các cơ quan, đơn vị hành chính của Trung ương đang trình bãi bỏ cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 và Nghị quyết số 142/2024/QH15

1. Việc xác định tiền lương, thu nhập tăng thêm và chế độ tiền thưởng của cán bộ, công chức, người lao động tại các cơ quan, đơn vị đang trình bãi bỏ cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù theo Nghị quyết số 104/2023/QH15 và Nghị quyết số 142/2024/QH15 kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 thực hiện theo quy định tại khoản 3 điều 3 và điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP.

2. Nguồn kinh phí để đảm bảo quỹ lương, tiền thưởng năm 2024 (bao gồm cả phần tăng thêm do thực hiện cải cách tiền lương, tiền thưởng) đối với các cơ

quan, đơn vị này từ các nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên theo quy định tại các luật chuyên ngành, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản khác có liên quan tới cơ chế tài chính, thu nhập gắn với đặc thù của cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước.

Trường hợp các cơ quan, đơn vị không cân đối, bố trí được kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, tiền thưởng từ nguồn kinh phí gắn với cơ chế tài chính, thu nhập đặc thù nêu trên để thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy định chung thì các cơ quan, đơn vị rà soát, tính toán nhu cầu kinh phí còn thiếu để đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng theo quy định chung, gửi văn bản về Bộ Tài chính để tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 5. Báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP

Các bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (kể cả các bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã bảo đảm đủ nguồn để thực hiện) chịu trách nhiệm xem xét, tổng hợp nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP theo đúng quy định, gửi văn bản về Bộ Tài chính chậm nhất ngày 15 tháng 9 năm 2024 để tổng hợp, trình cơ quan có thẩm quyền bổ sung kinh phí còn thiếu (nếu có).

(Các bộ, cơ quan Trung ương gửi báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí theo biểu mẫu số 1, 3; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi báo cáo nhu cầu và nguồn kinh phí theo biểu mẫu số 2a, 2b, 2c, 2d, 2đ, 2e, 4a và 4b ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 6. Phương thức chi trả, chế độ kế toán và quyết toán kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP

1. Các bộ, cơ quan Trung ương chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chủ động sử dụng các nguồn kinh phí theo quy định để chi trả tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo đúng chế độ quy định.

2. Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có nguồn lớn hơn nhu cầu kinh phí thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP, chủ động sử dụng nguồn cải cách tiền lương của địa phương để bổ sung nguồn kinh phí cho các đơn vị dự toán ngân sách cấp mình và ngân sách cấp dưới trực thuộc còn thiếu nguồn.

3. Đối với các địa phương có nhu cầu kinh phí để thực hiện chế độ theo

Nghị định số 73/2024/ND-CP và Nghị định số 75/2024/ND-CP lớn hơn nguồn kinh phí theo quy định tại Thông tư này:

Các đơn vị sử dụng ngân sách được chủ động sử dụng dự toán ngân sách năm 2024 đã được giao và nguồn thu được để lại theo chế độ để kịp thời chi trả tiền lương, thưởng, phụ cấp, trợ cấp tăng thêm cho các đối tượng theo quy định tại Thông tư này; báo cáo cơ quan chủ quản cấp trên về nhu cầu kinh phí còn thiếu (nếu có) để xử lý theo quy định.

4. Kế toán và quyết toán: Việc kế toán, quyết toán kinh phí thực hiện tiền lương, phụ cấp, trợ cấp, tiền thưởng cho các đối tượng theo quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thông tư số 50/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn và phương thức chi thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/ND-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ và điều chỉnh trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo Nghị định số 42/2023/ND-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Căn cứ quy định tại Nghị định số 73/2024/ND-CP, Nghị định số 75/2024/ND-CP và hướng dẫn tại Thông tư này, các bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tổ chức, hướng dẫn, tổng hợp nhu cầu và nguồn kinh phí thực hiện chính sách tiền lương của các cơ quan, đơn vị và các cấp trực thuộc; điều chỉnh quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố theo mức khoán, gửi Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư này.

b) Xác định, bố trí nguồn kinh phí đầy đủ, kịp thời để chi trả cho các đối tượng theo đúng chế độ quy định và hướng dẫn tại Thông tư này.

c) Căn cứ tình hình cụ thể của cơ quan, địa phương để quy định về thời gian, biểu mẫu báo cáo đối với các đơn vị và các cấp ngân sách trực thuộc phù hợp với quy định về việc tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính tại Thông tư này.

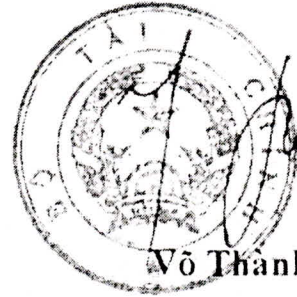
d) Chịu trách nhiệm về nội dung và số liệu báo cáo gửi Bộ Tài chính.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các bộ, cơ quan Trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản gửi Bộ Tài chính để kịp thời xem xét, giải quyết. //

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, NSNN (SSb). //

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Võ Thành Hưng

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024

Thực hiện theo Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Đơn vị: <i>Trên đồng</i>																			
STT	Mô tả nội dung	Biên chế năm 2024 được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt	Biên chế thực tế mặt tài trợ đến 31/12/2024	Trong đó:		Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp tháng 7/24 theo quy định tại Nghị định số 74/2023/NĐ-CP				Quỹ lương, phụ cấp và các khoản đóng góp và quỹ tiền thưởng tháng 7/2024 theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP						Nhu cầu kinh phí tăng thêm 1 tháng			
				Số biên chế nghỉ hưu, tính đến cuối kỳ báo cáo	Số biên chế nghỉ hưu, tính đến cuối kỳ báo cáo	Bao gồm				Tổng quỹ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	Bao gồm				Quỹ tiền thưởng	Bao gồm			Nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện Nghị định 73/2024/NĐ-CP năm 2024
						Các loại phụ cấp (chủ yếu: tiết kiệm, phụ cấp)	Các khoản đóng góp (chủ yếu: tiết kiệm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn)	Mức lương theo ngạch bậc, chức vụ			Các loại phụ cấp (chủ yếu: tiết kiệm, phụ cấp)	Các khoản đóng góp (chủ yếu: tiết kiệm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn)	Mức lương theo ngạch bậc, chức vụ			Tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	Quỹ tiền thưởng		
								Tổng số	Tổng số				Tổng số	Tổng số			Tổng số	Tổng số	
A	B	1	2	3	3A	3+4+5+6	4	5	6	7+8+12	8+9+10+11	9	10	11	12	13+14+15	14+15+16	15+16	16
	TỔNG SỐ																		
	Chức vụ, tên người làm việc																		
	I. Lĩnh vực chỉ đạo, quản lý																		
	1. Đơn vị																		
	2. Đơn vị																		
	3. Đơn vị																		

ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024

(Kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: *Trước Tổng*

STT	NỘI DUNG	BIÊN CHẾ ĐƯỢC CẤP CÓ THAM QUẢN GIAO HOẶC PHÊ DUYỆT NĂM 2024	TỔNG SỐ ĐỐI TƯỢNG LƯƠNG LƯƠNG CÓ MẠI ĐẾN 01/07/2024	QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 24/2023/NĐ-CP														CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ (2)	
				TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH, BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (I)	Trong đó												
							PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THẨM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGÀNH	PHỤ CẤP THU HÚT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÃU NĂM	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẢNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC			
1	2	3	4	5 = 6 + 7 + 8	6	7 = 8 + 9 + 10	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)																		
I	KHU VỰC HCSN, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ (3)																		
	<i>đảm</i>																		
1	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																		
	- Giáo dục																		
	- Đào tạo																		
2	Sự nghiệp y tế																		
3	Sự nghiệp khoa học-công nghệ																		
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin																		
5	Sự nghiệp phát thanh truyền hình																		
6	Sự nghiệp thể dục - thể thao																		
7	Sự nghiệp đảm bảo xã hội																		
8	Tác hoạt động kinh tế																		
9	Sự nghiệp bảo vệ môi trường																		
10	Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																		
	<i>Quản lý NN</i>																		
	<i>Đảng, đoàn thể</i>																		
II	CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH, CÔNG CHỨC XÃ																		
III	HOẠT ĐỘNG PHI ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP																		
	- Cấp tỉnh																		
	- Cấp huyện																		
	- Cấp xã																		
IV	PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY																		
	- Ủy viên cấp tỉnh																		
	- Ủy viên cấp huyện																		
	- Ủy viên cấp xã																		

Ghi chú:
1) Mức tính chi: Khoản phụ cấp do Trung ương quy định, tính và xếp theo từng năm vào vào biên độ tính thêm quỹ phụ cấp của mỗi năm.
2) M2: Đồng BHXH là 17,5%; BHYT là 4%; BHTN là 10%; KPCĐ là 2%.
3) Chỉ tính hợp như: đầu kinh phí để làm và chi trả bảo đảm chi theo quy định.

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024

(Kèm theo Thông tư số 72/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

QUỸ TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP THÁNG 7/2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP																							
NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	LƯƠNG THEO NGẠCH BẠC CHỨC VỤ	TỔNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP (1)	Trong đó												CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP BHXH, BHTN, KPCĐ (2)	CHẾNH LỆCH QUỸ LƯƠNG, PHỤ CẤP TĂNG THÊM 1 THÁNG	NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP	QUỸ TIỀN THƯỜNG 1 THÁNG	QUỸ TIỀN THƯỜNG NĂM 2024 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024			
				PHỤ CẤP KHU VỰC	PHỤ CẤP CHỨC VỤ	PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG	PHỤ CẤP LƯU DẪI NGÀNH	PHỤ CẤP THI HƯT	PHỤ CẤP CÔNG TÁC LÃNH DẪN	PHỤ CẤP CÔNG VỤ	PHỤ CẤP CÔNG TÁC ĐẶC ĐANG	PHỤ CẤP THAM NIÊN NGHỀ	PHỤ CẤP KHÁC										
1	2	19 = 20 + 21 + 32	20	21 = 22 + 23	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33 = 19 + 3	34 = 33 * 6 tháng	35 = 22 * 10%	36 = 35 * 6 tháng				
TỔNG CỘNG (I+II+III+IV)																							
I KHU VỰC HOCSN, ĐANG, ĐOÀN THỂ (I)																							
Gồm:																							
1 Sự nghiệp giáo dục - đào tạo																							
- Giáo dục																							
- Đào tạo																							
2 Sự nghiệp y tế																							
3 Sự nghiệp khoa học công nghệ																							
4 Sự nghiệp văn hóa thông tin																							
5 Sự nghiệp phát thanh truyền hình																							
6 Sự nghiệp thể dục - thể thao																							
7 Sự nghiệp dân báo xã hội																							
8 Các hoạt động kinh tế																							
9 Sự nghiệp bảo vệ môi trường																							
10 Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể																							
- Quản lý NN																							
- Đảng, đoàn thể																							
II CÁN BỘ CHUYÊN TRÁCH CÔNG CHỨC XÃ																							
III HOẠT ĐỘNG PHI ĐẠI BIỂU HĐND CÁC CẤP																							
- Cấp tỉnh																							
- Cấp huyện																							
- Cấp xã																							
IV PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM CẤP ỦY																							
- Ủy viên cấp tỉnh																							
- Ủy viên cấp huyện																							
- Ủy viên cấp xã																							

ngày tháng năm
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:....

**BẢNG TỔNG HỢP QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2024 CỦA CÁN BỘ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN
ĐÃ NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ NGƯỜI NGHỈ VIỆC HƯỞNG TRỢ CẤP HÀNG THÁNG ĐẾN 01/7/2024	QUỸ TRỢ CẤP THÁNG 7 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 42/2023/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP THÁNG 7 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 75/2024/NĐ-CP	QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM THÁNG 7	BẢO HIỂM Y TẾ TĂNG THÊM THÁNG 7	TỔNG QUỸ TRỢ CẤP TĂNG THÊM NĂM 2024
A	B	1	2	3	4 = 3-2	5 = 1 x 0,54 x 4,5%	6 = (4+5) x 6T
	TỔNG SỐ						
1	Nguyên bí thư, chủ tịch.						
2	Nguyên Phó bí thư, phó chủ tịch, Thường trực Đảng ủy, Ủy viên, Thư ký UBND, Thư ký HĐND, xã đội						
3	Các chức danh còn lại						

.... ngày.....tháng... năm...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:...

BÁO CÁO NHU CẦU KINH PHÍ TĂNG THÊM CHI TRẢ CHẾ ĐỘ CHO SỔ BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN TĂNG THÊM
NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Thông tư số 62/2024 TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng													
STT	Chỉ tiêu	Tổng số biên chế giao bổ sung năm 2024	Tổng số biên chế có mặt đến 01/7/2024	Tổng hệ số của 1 biên chế	Bao gồm:							Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện Nghị định 24/2023/NĐ-CP và Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (1)	
					Hệ số lương theo ngạch, bậc, chức vụ	Tổng hệ số phụ cấp	Trong đó				Tỷ lệ các khoản đóng góp		
							Tỷ lệ phụ cấp khu vực	Tỷ lệ phụ cấp ưu đãi nghề	Tỷ lệ phụ cấp thu hút	Tỷ lệ phụ cấp đặc biệt			
1	2	3	4	5=6+7+11	6	7=8+9+6+11+6	8	9	10	11	12=6x23,5%	13=4x5x0,31 triệu đồng x số tháng thực tế hưởng	
	Tổng số												
1	Mầm non												
2	Tiểu học												
3	Trung học cơ sở												
4	Trung học phổ thông												

Chú thích:

Ghi chú:

(1) Căn cứ thời điểm tuyển dụng để báo cáo nhu cầu
Đưa phương tính toán nhu cầu tăng thêm theo số tháng thực tế hưởng

... ngày .. tháng .. năm ..
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO NGUỒN THỰC HIỆN CCTL TIẾT KIỆM TỪ VIỆC THỰC HIỆN TÍNH GIÁN BIẾN CHI, SÁP NHẬP ĐƠN VỊ THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 18/NQ-TW VÀ NGHỊ QUYẾT SỐ 19/NQ-TW NGÀY 25/10/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng									
STT	Phân loại đơn vị	Tổng số đối tượng có mặt đến 01/7/2023	Quỹ lương, phụ cấp tháng 7 năm 2023 (lương 1,49)	Tổng số đối tượng có mặt đến 01/7/2024	Quỹ lương, phụ cấp tháng 7 năm 2024 (lương 1,49)	Kinh phí NSNN chi trả Quỹ lương, phụ cấp tiết kiệm được trong 1 tháng	Kinh phí NSNN khác (không bao gồm quỹ lương, phụ cấp) tiết kiệm được năm 2024	Tổng kinh phí NSNN tiết kiệm năm 2024	50% kinh phí giảm chi NSNN năm 2024 dành để CCTL
A	B	1	2	3	4	5 = 4 x 2	6	7 = 5 x 12 tháng ÷ 6	8 = 7 x 50%
TỔNG CỘNG									
I	Quản lý nhà nước								
II	Sự nghiệp công lập								
1	Đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên								
2	Đơn vị được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên								

..., ngày.....tháng.....năm...
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:...

BÁO CÁO NGUỒN THỰC HIỆN CCTL TIẾT KIỆM DO THAY ĐỔI MỨC TỰ CHỦ TÀI CHÍNH TRONG NĂM 2024
THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW NGÀY 25/10/2017 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Phân loại đơn vị sự nghiệp	Số lượng đơn vị đến 31/12/2023	Số lượng đơn vị đến 31/12/2024	Số lượng đơn vị thay đổi loại hình cơ chế tự chủ		Kinh phí tiết kiệm được trong 1 tháng từ việc thay đổi mức tự chủ tài chính (1)	Kinh phí tiết kiệm năm 2024	50% kinh phí giảm chi NSNN năm 2024 dành để CCTL
				Tăng	Giảm			
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 6 x 50%
	TỔNG CỘNG							
1	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư							
2	Đơn vị đảm bảo chi thường xuyên							
3	Đơn vị đảm bảo một phần chi thường xuyên							
4	Đơn vị được nhà nước đảm bảo chi thường xuyên							

Ghi chú: (1) Phần ngân sách nhà nước giảm hỗ trợ cho đơn vị
(2) Kinh phí tiết kiệm được không bao gồm phần kinh phí tiết kiệm từ việc tinh giản biên chế, sát nhập đơn vị đã được tổng hợp tại biểu 2d.

..., ngày.....tháng.....năm...
CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký tên, đóng dấu)

BẢO CÁO NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/ND-CP CỦA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH,
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC, TRỰC THUỘC CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	NỘI DUNG	Đơn vị: Triệu đồng								
		TỔNG SỐ								
		Nhu cầu kinh phí thực hiện mức lương cơ sở và chế độ tiền lương theo Nghị định số 73/2024/ND-CP năm 2024	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024 (nếu có)	Số thu được để lại theo chế độ				Nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (không kể các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản cơ tính chất lương và các khoản chi cho con nư ớc theo chế độ từ dự toán năm 2024 tăng thêm so với dự toán năm 2023 được cấp có thẩm quyền giao	Số đề nghị bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024 (nếu có)	Nguồn cải cách tiền lương năm 2024 chưa sử dụng hết chuyển sang năm sau (nếu có)
				Số thu phí, dịch vụ thực hiện năm 2023	Số thu phí, dịch vụ kế hoạch năm 2024	Các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả chi phí đã sử dụng để thực hiện theo mức tiền lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng)	Số thu được để lại theo chế độ để thực hiện cải cách tiền lương năm 2024			
A	B	1	2	3	4	5	6=4-5	7	8=1-2-6-7	9=2+6+7-1
	TỔNG SỐ <i>(Chi tiết theo từng đơn vị thuộc, trực)</i>									
1	Đơn vị ...									
2	Đơn vị ...									
3	...									

ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ...

BÁO CÁO NGUỒN KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024
(Kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

ST T	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	2	3
A	NGUỒN THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2024	
1	70% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý, các khoản loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội) thực hiện 2023 so dự toán	
2	50% tăng thu NSDP (không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp do địa phương quản lý, các khoản loại trừ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội) dự toán 2024 so dự toán	
3	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên dự toán năm 2023	
4	Số tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm dự toán năm 2024 so dự toán năm 2023	
5	Số thu được huy động từ nguồn để lại đơn vị năm 2024 (các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên)	
	+ Học phí	
	+ Viên phí	
	+ Nguồn thu khác	
6	50% phần NSNN giảm chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên trong lĩnh vực hành chính (do thực hiện tinh giản biên chế và đổi mới, sắp xếp lại bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả) và các đơn vị sự nghiệp công lập (do thực hiện đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất	
7	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 chưa sử dụng hết chuyển sang năm 2024	
	+ Nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2023 còn dư theo thông báo của Bộ Tài chính	
	+ Điều chỉnh tăng/giảm nguồn cải cách tiền lương theo kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm toán	
B	TỔNG NHU CẦU NĂM 2024	
I	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP và Nghị định số 42/2023/NĐ-CP (tính đủ 12 tháng)	
II	Tổng nhu cầu kinh phí tăng thêm để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP và Nghị định số 75/2024/NĐ-CP (6 tháng)	
1	Quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp tăng thêm đối với cán bộ, công chức viên chức, người làm việc trong khu vực hành chính sự nghiệp	
2	Quỹ lương, phụ cấp tăng thêm đối với cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã	
3	Hoạt động phi tăng thêm đối với đại biểu hội đồng nhân dân các cấp	
4	Quỹ trợ cấp tăng thêm đối với cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo ND 75/2024/NĐ-CP	
5	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn và tổ dân phố	
6	Kinh phí tăng thêm để thực hiện phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo QĐ số 169-QĐ/VW ngày 21/6/2008	
7	Kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ bồi dưỡng phục vụ hoạt động cấp ủy thuộc cấp tỉnh theo Quy định 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017	
III	Nhu cầu thực hiện một số loại phụ cấp, trợ cấp theo quy định:	
1	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2024 theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ	
2	Nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách nghỉ hưu trước tuổi năm 2024 theo ND số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ	
3	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ thu lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo Hội đặc thù	
4	Nhu cầu kinh phí tăng thêm thực hiện chế độ trợ cấp lần đầu đến nhận công tác tại vùng DBKK, trợ cấp 1 lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng DBKK theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của	
5	Kinh phí tăng/giảm so với số liệu đã tính định mức chi thường xuyên do thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ	
6	Kinh phí tăng thêm chi trả chế độ cho biên chế giao viên được giao năm học 2023-2024 theo Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương	
7	Các khoản phụ cấp, trợ cấp khác (nếu có)	
C	CHỈNH LỆCH NHU CẦU VÀ NGUỒN NĂM 2024	
1	Phân thiếu nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ	
2	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương còn dư	

ngày tháng năm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ:...

TỔNG HỢP NHU CẦU, NGUỒN THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NĂM 2024

(Kèm theo Thông tư số 62/2024/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	CHỈ TIÊU	TỔNG NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN CCTL NĂM 2024	NGUỒN TỪ TIẾT KIỆM 10% CHI THUƯỜNG XUYỀN, NGUỒN THU DẸ LẠI ĐƠN VỊ				
			TỔNG SỐ	TIẾT KIỆM 10% CHI THUƯỜNG XUYỀN	NGUỒN THU TỪ ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH, SỰ NGHIỆP		
					HỌC PHÍ	VIỆN PHÍ	KHÁC
	TỔNG SỐ						
a	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo Gồm: - Giáo dục - Đào tạo						
b	Sự nghiệp y tế						
c	Sự nghiệp khác						
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể Trong đó: Cán bộ, công chức cấp xã						
	Trong đó:						
I	Cấp tỉnh						
	Sự nghiệp giáo dục và đào						
a	tạo Gồm: - Giáo dục - Đào tạo						
b	Sự nghiệp y tế						
c	Sự nghiệp khác						
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể						
II	Cấp huyện						
I	Huyện A						
	Sự nghiệp giáo dục và đào						
a	tạo Gồm: - Giáo dục - Đào tạo						
b	Sự nghiệp y tế						
c	Sự nghiệp khác						
d	Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể Trong đó: Cán bộ, công chức cấp xã						
2	Huyện B						
	...						

Ghi chú: Chỉ bao gồm nhu cầu, nguồn của các đơn vị chưa tự đảm bảo chi thường xuyên.

..., ngày...tháng.....năm...

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ

(Ký tên, đóng dấu)